

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH LIÊM  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 8 - 2018  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Xuân Cảnh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Quý;
2. Bà Lê Thị Hà;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn B - sinh năm 1975; có mặt,

**\* Bị đơn:** Chị Vũ Thị L - sinh năm 1981; vắng mặt lần thứ hai không có lý do,

Cùng ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn ĐV I, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Văn B trình bày:

Anh và chị Vũ Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 24-9-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau được khoảng 01 tuần tại thôn ĐV I, xã TH thì chị L đi làm ăn xa đến Tết năm 2016 mới về. Vợ chồng chung sống tiếp cùng nhau được hơn một tháng tại xã TH thì chị L lại tự ý bỏ đi. Do trước khi kết hôn anh chị không có nhiều thời gian để tìm hiểu nhau, nên trong quá trình chung sống, anh chị

không hợp nhau về tính cách, lối sống, quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Hơn nữa, chị L lại không có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình, lấy chồng nhưng không chăm lo cho cuộc sống vợ chồng, chỉ thích đi làm ăn xa, không muốn sinh con cùng anh. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên không có sự gắn bó, sẻ chia. Trong quá trình chung sống, chị L còn không biết cách cư xử với gia đình nhà chồng nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Kết hôn đã được gần 02 năm, nhưng thời gian anh chị sống cùng nhau chỉ được vài tháng nên không hạnh phúc mà thấy cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, căng thẳng vì không có sự hoà hợp, đồng cảm, sẻ chia, yêu thương lẫn nhau. UBND xã TH tiến hành hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng, song chị L vắng mặt tại buổi hoà giải vì chị L không muốn ly hôn. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, việc đoàn tụ là không thể; nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Vũ Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị L và yêu cầu chị viết bản tự khai, nhưng chị L lấy lý do là chị đang hồi hộp nên không khai báo được gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị L đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia vào các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị L đều cố tình vắng mặt. Mặc dù Tòa án đã cử cán bộ và nhờ chính quyền xã TH xuống gia đình chị L để làm việc, tổng đạt các văn bản; nhưng chị L vẫn không nhận văn bản và không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án đã phải niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã TH xác định: Trong quá trình chung sống, anh B và chị L không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế nên vợ chồng không được hoà thuận, hạnh phúc. Trước khi kết hôn, anh chị chỉ tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn nên sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Chị L muốn đi làm ăn xa, còn anh B muốn chị L ở nhà chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, sống chung với nhau nhưng không hạnh phúc nên anh B làm đơn xin ly hôn chị L. UBND xã TH tiến hành hoà giải, song chị L vắng mặt nên hoà giải không thành. Quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn bởi anh chị chung sống không hoà hợp, hạnh phúc.

Tại phiên tòa, anh B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực

hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn B. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Văn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Phạm Văn B có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là chị Vũ Thị L hiện đang cư trú tại xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L là tự nguyện, hợp pháp. Do trước khi kết hôn, anh chị chỉ tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn nên sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác, chị L muốn đi làm ăn xa, còn anh B muốn chị L ở nhà chăm lo cho cuộc sống gia đình; nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện cuộc sống vợ chồng của anh chị không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng sống không được hoà thuận, hạnh phúc, nên khả năng đoàn tụ không còn. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh B xin ly hôn chị L là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con: Anh chị không có con chung, con riêng, con nuôi; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Phạm Văn B không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L.

**2. Án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh Phạm Văn B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04324 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

**3. Quyền kháng cáo đối với bản án:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Xuân Cảnh**